

MINH TRIẾT HỒ CHÍ MINH TRONG NHẬT KÝ TRONG TỪ

NGUYỄN THỊ BÍCH THU*

1. “Minh triết Hồ Chí Minh” là vấn đề được GS. Vũ Ngọc Khánh lần đầu tiên đặt ra cách đây hơn mười năm, trên cơ sở những chuẩn mực ứng xử mang dáng vẻ của một nhà hiền triết Phương Đông ở Người. Từ đó đến nay, nhiều nhà nghiên cứu đã dành thời gian, tâm huyết để tìm hiểu minh triết Hồ Chí Minh trên mọi phương diện từ những hành vi, lời nói, cử chỉ trong cuộc sống hàng ngày cho đến những trước tác Người để lại. Theo GS. Hoàng Ngọc Hiến, nguyên Chủ tịch Hội đồng Khoa học Trung tâm Nghiên cứu minh triết Việt: *“Minh triết là người sống và biết sống ‘hắn hoi’.* Minh triết là sự khôn ngoan, nhưng sự khôn ngoan của minh triết phải gắn với cái thiện và sự hẩn hoi. Trong bất kỳ việc lớn hay việc nhỏ, Bác Hồ luôn thể hiện sự khôn ngoan và hẩn hoi đó”; GS. Nguyễn Khắc Mai, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu minh triết Việt, lại dựa trên quan niệm của Ngô Thì Nhậm, một danh sĩ Việt Nam thế kỷ XVIII: *“Minh triết bảo thân, vô cứ vu lê, vô khốn vu thạch”* (Minh triết để giữ gìn thân mệnh (để) không vấp vào đá, quàng vào gai) để luận bàn về minh triết Hồ Chí Minh: *“Vì có minh triết và biết sống minh triết, nên Hồ Chí Minh là người giữ được thân mệnh của mình một cách tuyệt vời. Cái tinh anh của thân mệnh Hồ Chí Minh là tinh anh của một người yêu nước, nhà văn hóa, một lãnh tụ chính trị và tinh thần của một đất nước”*; GS. Hoàng Chí Bảo, chuyên gia

đầu ngành về Hồ Chí Minh học ở Việt Nam cũng cho rằng: *“Minh triết Hồ Chí Minh tỏ rõ sự thông tuệ, sự uyên bác và thông thái trí tuệ của người, sự ung dung và thanh thản trong thái độ và tâm trạng của người trước mọi hoàn cảnh và tình huống, tỏ rõ tính chủ động và năng lực tự do của Hồ Chí Minh”*... Như vậy, có thể nói dù cách tiếp cận khác nhau, nhưng các nhà nghiên cứu đều đi đến một điểm thống nhất về minh triết Hồ Chí Minh, đó là *những chuẩn mực ứng xử của Người trong những hoàn cảnh nhất định, sao cho giữ được một thái độ sống lạc quan, thanh thản, chủ động và hướng thiện. Để làm người một cách chính danh.*

Là Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới, Hồ Chí Minh có gần 70 năm hoạt động cách mạng, trong đó hoạt động ở nước ngoài hơn 30 năm. Có mặt ở nhiều nước, thông thạo nhiều ngoại ngữ, không ngừng học hỏi, Người đã thu nhận vào mình những tinh hoa văn hóa nhân loại, kết hợp nhuần nhuyễn, sáng tạo với văn hóa truyền thống Á Đông. Tổng kết bài học thu nhận được từ các nền văn hóa đông tây, Người đã viết: *“Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giê su có ưu điểm là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách hợp với điều kiện của nước ta. Tôi cố gắng làm người học trò của các vị ấy”*¹. Người đã đúc rút, trải

* TS. Ủy ban Dân tộc.

nghiệm thành những kinh nghiệm, chuẩn mực ứng xử mang dấu ấn tư tưởng, phong cách, phương pháp riêng của mình. Dù không có ý định lập ngôn, trước tác nhưng mỗi hành vi, cử chỉ, lời nói của Người đều thể hiện những chuẩn mực ứng xử của một bậc hiền minh, chính nhân quân tử. Do đó, tìm hiểu minh triết Hồ Chí Minh cũng có nghĩa là đi tìm hiểu những chuẩn mực ứng xử của Người trong những hoàn cảnh nhất định, nhằm tôn vinh nhân cách, trí tuệ, tư tưởng cao quý ở Người, như lời cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nhận xét: “*Hồ Chí Minh cao mà không xa, mới mà không lạ, to lớn mà không làm ra vĩ đại, chói sáng mà không làm ai choáng ngợp, mới gặp lần đầu mà ta đã cảm thấy thân thiết từ lâu*”.

Tuy vậy, cho đến hôm nay, những gì chúng ta hiểu được về minh triết của Người vẫn còn rất khiêm tốn. Phần lớn những công trình nghiên cứu về minh triết Hồ Chí Minh vẫn còn rời rạc, chưa có tính hệ thống, chuyên sâu. Chưa có công trình nào nghiên cứu về minh triết Hồ Chí Minh trên những tình huống, lĩnh vực cụ thể. Trong nỗ lực chung đó, chúng tôi chọn *Nhật ký trong tù*, một tác phẩm nghệ thuật, để nghiên cứu minh triết của Người nhằm cùng với các hướng nghiên cứu khác, mang tới một cái nhìn sâu sắc, hệ thống hơn về minh triết Hồ Chí Minh.

2. Nhật ký trong tù (Ngục trung nhật ký) của Hồ Chí Minh là một tập thơ chữ Hán, gồm 133 bài được ra đời trong khoảng thời gian từ 29/8/1942 đến 10/9/1943 khi Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam tại Quảng Tây (Trung Quốc). Sinh thời, Phan Bội Châu (1867 - 1940) đã từng nói: “*thi mà tù, tù mà thi là*

một việc rất hiếm”². Vậy nên thơ trong tù đã hiếm mà thơ hay trong tù lại càng hiếm hơn. Bởi một bên là sự đọa đầy của thân xác và một bên là sự bay bổng của tâm hồn. Và *Nhật ký trong tù* chính là một tuyệt tác của thành tựu thơ ca ra đời trong chốn lao tù. Kể từ khi được chính thức công bố lần đầu vào năm 1960, tập thơ đã nhận được nhiều ý kiến đánh giá cao của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước về giá trị nội dung và nghệ thuật. Giá trị của *Nhật ký trong tù* không chỉ dừng lại ở những tư liệu lịch sử quý giá về một quãng đời hoạt động cách mạng của Người; cũng không đơn thuần chỉ là một kiệt tác nghệ thuật trong nền văn học Việt Nam hiện đại mà còn là một trước tác quan trọng để tìm hiểu về minh triết Hồ Chí Minh trên nhiều phương diện: minh triết về lối sống, minh triết của một chính khách, minh triết về giáo dục con người, minh triết về thơ ca nghệ thuật...

Nhật ký trong tù được ra đời trong một bối cảnh khá đặc biệt: nằm ngoài chủ ý của tác giả. Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Người chỉ theo đuổi một mục tiêu duy nhất: “*Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi*”. Trước đó, khi còn học chữ thánh hiền ở Huế, Người đã rất tâm đắc với một câu thơ của nhà thơ Viên Mai – đời Đường: *Bữa bữa những mong ghi sử sách/ Lập thân tối hạ thị văn chương*. Nên người chưa bao giờ có ý định trở thành một nhà thơ, càng không có ý định làm thơ để lập ngôn, lưu lại cho hậu thế. Trên con đường tìm đường cứu nước, có lúc nào đó người phải dừng đến văn chương nghệ thuật (phần lớn là văn xuôi) cũng bởi Người coi văn chương nghệ thuật là một vũ khí đấu tranh hữu hiệu, là phương tiện, hành động cách mạng mà

người cách mạng phải biết vận dụng cho hiệu quả.

Mở đầu tập thơ *Nhật ký trong tù*, người đã viết:

Ngâm thơ ta vốn không ham

Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây?

Ngày dài ngâm ngợi cho khuây,

Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do.

(*Khai quyển*)

Giải trí, “cho khuây”, “giết” thời giờ nhàn rỗi, chờ đợi đến ngày được trả tự do, trở về Tổ quốc là lý do Người làm thơ. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc *Nhật ký trong tù* được Bác viết, chỉ để dành cho riêng mình, không nhằm hướng tới một đối tượng nào khác. Do đó, Người đã chọn chữ Hán và thể thơ Đường (tứ tuyệt, ngũ ngôn), vốn rất khó đối với những ai không phải là môn đệ của “cửa Không, sân Trình”, để viết “nhật ký”. Sự lựa chọn đó đã thể hiện vốn hiểu biết văn hóa truyền thống Á Đông sâu sắc, uyên bác ở Người; mặt khác, cũng cho thấy dù cuộc đời hoạt động cách mạng vô cùng gian khổ cũng không hề làm tâm hồn người cộng sản trở nên chai lỳ, vô cảm mà vẫn dạt dào cảm xúc với cuộc sống, thiên nhiên, con người.

Được ra đời với mục đích “ngâm ngợi cho khuây”, không có ý định làm nghệ thuật, ngẫu hứng nên những gì mà người ghi chép, thể hiện đều hoàn toàn chân thực, sinh động, không cần phải “uốn câu, gọt chữ” cầu kỳ, hoa mỹ. Người không chịu sức ép nào để tạo ra một tác phẩm nghệ thuật theo chu trình sáng tạo nghệ thuật thông thường. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc, khi tìm hiểu minh triết Hồ Chí Minh trong *Nhật ký trong tù*, chúng ta có

thể đi đến một nhận định: Người không có ý dùng hư cấu, các thủ pháp nghệ thuật cần thiết nhằm tạo ra một chân dung nghệ thuật điển hình lưu lại cho hậu thế; cũng không định lập ngôn trước tác về bất cứ vấn đề gì mà nó chỉ là những bài học trải nghiệm đường đời, được người ghi chép, tất cả đều “tự nhiên nhi nhiên”. Do đó, yếu tố “văn là người” trong tập thơ sẽ được thể hiện chân thực, sâu sắc, tinh tế và đầy đủ. Nói cách khác, qua tập thơ, những người yêu Bác sẽ có cơ hội được hiểu sâu sắc thêm về Người - một chính khách, một người cộng sản, một thi nhân và một triết nhân, “*một hình mẫu cao đẹp của con người mới trong thời đại mới, một biểu tượng của chủ nghĩa nhân văn với đầy đủ ý nghĩa của nó, một tấm gương tuyệt vời về người cộng sản*”³. Tất nhiên, với một vốn sống phong phú, lịch lãm; một tài năng thơ phú thiên bẩm nên dù không có chủ đích làm nghệ thuật thì *Nhật ký trong tù* vẫn “là một chuỗi ngọc, một tràng hoa duy nhất” (Xuân Diệu), là một tác phẩm văn học có giá trị, giữ một vị trí xứng đáng trong nền thơ ca Việt Nam hiện đại, được yêu thích ở nhiều quốc gia trên thế giới.

3. Minh triết về người cộng sản.

Hơn một năm ở trong lao tù của chính quyền Tưởng Giới Thạch là những tháng ngày Người phải chịu muôn vàn khổ ải, bức bách về thể xác và tinh thần. Trong cuốn *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Trần Dân Tiên đã viết lại: “*Tay bị trói giắt cánh khuỷu, cổ mang vòng xích có 6 người lính mang súng giải đi, đi mãi, nhưng vẫn không biết đi đâu. Dầm mưa dãi nắng trèo núi qua truông. Mỗi buổi sáng gà gáy đầu, người ta giải cụ Hồ đi. Mỗi buổi chiều khi chim về tổ,*

người ta dừng lại trong một địa phương nào đó, giam cụ vào trong xà lim trên một đóng rạ bần, không cởi trói cho cụ ngủ. Cụ Hồ tiếp tục đi, bị trói và bị xích như thế trong hơn 80 ngày. Cụ đã trải qua gần 30 nhà tù xã và huyện, cuối cùng cụ đến Quế Lâm. Từ Quế Lâm người ta giải cụ đi Liễu Châu, giam vào nhà giam quân sự. Bị giam 14 tháng thì cụ Hồ được tha, nhưng vẫn bị quản chế”.

Trong Nhật ký trong tù, Người cũng đã không ít lần hạ bút viết lên những lời cảm khái đầy đau đớn, xót xa:

Một ngày tù nghìn thu ở ngoài

Lời nói người xưa đâu có sai.

(Bốn tháng rồi)

Trên đời ngàn vạn điều cay đắng

Cay đắng chi bằng mất tự do?

(Cảnh binh khiêng lợn cùng đi)

Tuy nhiên, Nhật ký trong tù đã không đi vào lối mòn của “dòng thơ tù” phổ biến những năm đầu thế kỷ XX, không phải là lời thanh minh hay lời cảm khái về thân phận long đong, cực khổ của một người tù. Vượt lên trên tất cả cái đau đớn, nghiệt ngã, bất công của hiện thực nhà tù đen tối, chân dung người tù Hồ Chí Minh hiện lên với một phong thái ung dung, tự tại hiem thấy:

Thân thể ở trong lao

Tinh thần ở ngoài lao

Muốn nên sự nghiệp lớn

Tinh thần phải càng cao

(Đề từ)

Bài thơ đã làm hiện lên vẻ đẹp của người chiến sĩ trong cái thế đối chọi giữa

sức mạnh tinh thần của lý tưởng cộng sản và sức mạnh vật chất của gông cùm, đói rét. Tiếp thu tinh thần “Uy vũ bất năng khuất” (Không chịu cúi đầu phục tùng trước bất cứ một thế lực nào, một quyền lực nào) của Nho gia kết hợp với thế giới quan duy vật biện chứng, Người đã cho thấy rõ: tinh thần không hề có ý nghĩa siêu hình, không ở ngoài thể phách mà trái lại, nó là yếu tố cao quý trong con người, làm cho con người có thể vượt ra khỏi tầm vóc nhỏ bé của thể xác, vượt qua mọi gian khổ của xiềng xích nhà tù trên con đường đấu tranh cách mạng để đi đến thắng lợi cuối cùng. Vậy Người đã làm thế nào để luôn có một trạng thái tinh thần tự do đến vậy? Câu trả lời nằm chính trong thái độ ứng xử của Người với hoàn cảnh, bản thân, thiên nhiên và nhân loại. Cụ thể:

(1) Biết cải tạo hoàn cảnh trên cơ sở nắm chắc quy luật vận động của hiện thực khách quan.

Như trên đã nói, Nhật ký trong tù ra đời trong thời gian Người bị giam giữ, lẽ dĩ nhiên, những bất công, tăm tối của nhà tù cũng là một nội dung được Người đề cập nhiều. Từ những đối xử vô nhân đạo đối với tù nhân trong những nhu cầu tối thiểu hàng ngày ăn, ở, mặc:

Thối một nồi cơm trả sáu hào

Nước sôi mỗi chậu một đồng trao

(Tiền công)

Cháo tù mỗi bữa chia lưng bát

Cái bụng luôn luôn rên rỉ sầu.

(Điện Đông)

Không muối, không rau, canh không có,

Mỗi bữa lưng cơm đỏ gọi là;

(Cơm tù)

Cho đến những áp bức, đọa đầy về thể xác:

Năm mươi ba cây số một ngày

Áo mũ dầm mưa, rách hết giày

(Mới đến nhà lao Thiên Bảo)

Răng rụng mất một chiếc

Tóc bạc thêm mấy phần

Gầy đen như quỷ đói

Ghẻ lở mọc đầy thân

(Bốn tháng rồi)

Hiện thực tăm tối, bi thảm đó là nguồn gốc làm nảy sinh tâm trạng bi quan, chán nản, tuyệt vọng của tù nhân nói chung, nhất là với những người chưa từng trải, kinh nghiệm đường đời còn non nớt:

Cô đơn thay là cảnh thân tù!

Tai mở rộng và lòng sôi rạo rục

Tôi lắng nghe tiếng đời lặn náo nức

Ở ngoài kia vui sướng biết bao nhiêu!

Đây âm u đôi ánh lạt ban chiều

Len nhẹ nhẹ qua rào ô cửa nhỏ

Đây lạnh lẽo bốn tường vôi khắc khổ

Đây xà lim, manh ván ghép sẫm u...

(Tâm tư trong tù - Tố Hữu)

Chỉ một bức tường ngăn cách mà cách ngăn hai thế giới: tự do và cầm tù. Tiếng thở dài “*Cô đơn thay là cảnh thân tù!*” thốt ra không kìm nén được đã nói lên tất cả nỗi chán chường, cô đơn, thất vọng của người người cộng sản trẻ tuổi lần đầu bị bắt giam.

Đọc lại *Nhật ký trong tù*, không khó để nhận thấy sự khác biệt rất lớn giữa người cộng sản trẻ tuổi trong thơ Tố Hữu và

người tù Hồ Chí Minh. Một bên là sự bông bột, non nớt của tuổi trẻ và bên kia là sự bình tĩnh, chủ động của một người đã hơn nửa đời người trải qua gian khổ, khó khăn (làm bồi tàu, người coi vườn, quét tuyết, hầu bàn, sửa ảnh, thợ lò...) để tìm đường giải phóng cho dân tộc mình và các dân tộc bị áp bức trên thế giới, dẫu chân đã in khắp năm châu bốn biển thì mọi gian truân, khổ ải chưa thể làm nhụt ý chí chiến đấu, ngược lại, đó chính là trường đời rèn luyện lòng can đảm, nghị lực chiến đấu và tinh thần cách mạng của người cộng sản. Ngay từ năm 1925, trong *Tuyên ngôn Hội Liên hiệp thuộc địa*, Nguyễn Ái Quốc đã nói với những người đồng chí của mình: “*Vận dụng công thức của C. Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em*”⁴. Điều này cũng đồng nghĩa với việc ý chí, nghị lực, tinh thần vượt khó ở Người không hề là tự phát, kinh nghiệm chủ nghĩa mà là sự thấm nhuần sâu sắc quan điểm macxit, kết hợp với những trải nghiệm thực tiễn để định ra chuẩn mực ứng xử cho riêng mình. Con đường đi đến thắng lợi của mọi cuộc đấu tranh cách mạng không bao giờ là bằng phẳng, thuận chiều mà luôn chứa đầy khó khăn, gian khổ, hy sinh, mất mát nên đối với mỗi người làm cách mạng, không có con đường nào khác là mỗi người hãy tự mình phấn đấu, nỗ lực rèn luyện, học hỏi, chấp nhận gian khó, chông gai trên con đường thực hiện lý tưởng mình đã chọn. Sau này, khi hoạt động ở chiến khu Việt Bắc, Người cũng luôn thấm nhuần đạo đức của người làm cách mạng, gương mẫu thực hành trong đời sống. Người thường nói: “*Đấu tranh giữa địch và ta là cuộc đấu tranh một sống một chết, phải chịu đựng*

mọi gian khổ, khắc phục mọi khó khăn, phấn đấu đến cùng”⁵.

Với nhận thức nghiêm túc, đúng đắn về con đường mình đã chọn, khi rơi vào chốn lao tù, Người cũng đã xác định cho mình một tâm lý vững vàng đối mặt với khó khăn; coi đó là những thử thách trên con đường đi tới thắng lợi của cách mạng:

*Gạo đem vào giã bao đau đớn
Gạo giã xong rồi trắng tựa bông
Sống ở trên đời, người cũng vậy
Gian nan, rèn luyện mới thành công.*

(*Nghe tiếng giã gạo*)

Người hiểu rõ sự vận động, tuần hoàn của cuộc đời con người cũng không nằm ngoài vòng tuần hoàn của vũ trụ:

*Ví đâu có cảnh đông tàn
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân?
Nghĩ mình trong bước gian truân
Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng.*
(*Tự khuyên mình*)

Để có mùa xuân tươi đẹp, cũng phải trải qua một mùa đông băng giá. Để có hoa thơm, trái ngọt, con người không thể không vất vả chăm bón, vun trồng. Những khó khăn trên con đường đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc là tất yếu, không thể nôn nóng, vội vàng. Do đó, Người luôn nhìn nhận những gian nan, khổ ải đi qua cuộc đời mình với một cách bình thản, pha chút trào lộng:

*Đầy mình đỏ tím như hoa gắm,
Sột soạt luôn tay tựa gảy đàn;
(Ghẻ lở)*

Ròng quần vòng quanh chân với tay,

*Trông như quan võ đủ tua, dài;
(Dây trói)*

*Hôm nay xiềng xích thay dây trói,
Mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung,
(Đi Nam Ninh)*

Còn có thể kể ra đây nhiều bài thơ mang cái nhìn trào lộng của Người: *Hụt chân ngã, Nhà ngục Nam Ninh, Giữa đường đáp thuyền đi Ung Ninh, Cắm hút thuốc, Tiễn đèn...* Trên cái nền đen tối của hiện thực nhà tù bất công, vô nhân đạo, hình ảnh người cộng sản hiên ngang, cất tiếng cười ngạo nghễ, coi thường gian khổ, luôn đứng trên và làm chủ hoàn cảnh đã là một điểm sáng không gì có thể dập tắt được. Đây chính là biểu hiện dễ thấy nhất tinh thần lạc quan của người tù Hồ Chí Minh mà nhiều nhà nghiên cứu gọi đó là những cuộc “vượt ngục về tinh thần”.

Soi vào lịch sử, lạc quan chính là một phẩm chất truyền thống của người Việt Nam, được hun đúc, bồi đắp từ hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Người đã tiếp thu truyền thống quý báu đó từ những người nông dân chân lấm tay bùn, động viên, an ủi nhau vượt qua khó khăn:

Chớ than phận khó ai ơi!

*Còn da lông mọc, còn chồi nảy cây.
(Ca dao)*

Cho đến các nhà nho thi vị hóa hoàn cảnh, vui với cảnh thanh bần, giữ tâm trong sáng trong thơ Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Tú Xương. Đơn cử:

*Đã bấy lâu nay, bác đến nhà
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa*

*Ao sâu nước cả, khôn chài cá
 Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà
 Cải chửa ra cây, cà mới nụ
 Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa
 Đầu trò tiếp khách, trầu không có
 Bác đến chơi đây ta với ta!*

(*Bạn đến chơi nhà* – Nguyễn Khuyến)

Tuy nhiên, cái lạc quan của những người nông dân trong ca dao mới chỉ dừng lại ở những lời động viên, mang tính kinh nghiệm. Trong cái hóm hỉnh, tự trào của các nhà nho, vẫn thấy toát lên cái ngậm ngùi, chua xót của những con người bất lực trước hoàn cảnh, bất mãn với hiện tại đành vui với cái nghèo, giữ tiết tháo của một nhà nho, coi đó là niềm tự hào của những kẻ chính nhân quân tử, tiếp nối các bậc tiền nhân trong kinh sách như Đào Tiềm. Với Hồ Chí Minh ở *Nhật ký trong tù* là một cái nhìn lạc quan đầy biện chứng chứ không phải lạc quan “tếu”. Trong tiếng cười của Người có niềm tin vững chắc vào con đường mình đã chọn, tin ở sức mạnh tinh thần kiên cường, bất khuất của những người cộng sản đã được ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin giác ngộ, soi đường. Đó là tiếng cười ngạo nghễ, đầy sáng khoái của người chiến sĩ cách mạng trong tư thế làm chủ hoàn cảnh, chế ngự hoàn cảnh. Hơn thế, Người còn nhiều lần cho mình là “khách tiên, khách tự do, khanh tướng”:

- *Còn lại trong tù khách tự do.*

- *Tự do tiên khách trên trời*

Biết đâu trong ngục có người khách tiên.

- *Mà như khanh tướng vẻ ung dung.*

Quên cái tăm tối của hiện thực, nỗi đốn đau về thể xác, sự cùm kẹp về tinh thần

đang hiện hữu quanh mình để hướng đến một thế giới thần tiên, thoát tục, tự do thì ý chí nghị lực phi thường thôi chưa đủ mà cần có một nhân sinh quan tiến bộ; một vốn văn hóa đông tây uyên bác, một trí tuệ tuyệt vời để xét đoán thời cuộc, con người để nắm chắc quy luật vận động của hiện thực khách quan:

Sự vật xoay vần đà định sẵn

Hết mưa là nắng hừng lên thôi

... Hết khổ là vui vốn lẽ đời.

(*Trời hửng*)

Người đã nhìn thấy sau đêm trường tăm tối là ánh bình minh rạng rỡ, sau cơn mưa trời lại nắng, “*hết khổ là vui*” sẽ là con đường tất yếu, không thể khác. Nắm thời cuộc trong bàn tay, hiểu rõ quy luật vận động của hiện thực khách quan chính là cơ sở cho chủ nghĩa lãng mạn cách mạng xuất hiện. Dù hiện thực còn nhiều đen tối, bất công, gian nan nhưng tương lai nhất định sẽ tươi sáng:

Phương Đông màu trắng chuyển sang hồng

Bóng tối đem tàn quét sạch không

(*Giải đi sớm*)

Nắng sớm mặt trời soi cả ngục

Sương mù khói đặc bỗng tan hơi

(*Nắng sớm*)

Đầu non sớm sớm vàng dương mọc;

Khắp núi nơi nơi rực ánh hồng

(*Cảnh buổi sớm*)

Có thể nói, trên một nền tảng lý luận vững chắc, một vốn văn hóa uyên bác, khả năng vận dụng sáng tạo vào thực tiễn kết hợp với tầm nhìn xa trông rộng của một nhà hoạt động chính trị chuyên nghiệp,

Người đã hoàn toàn làm chủ hoàn cảnh, chế ngự hoàn cảnh với *một phong thái ung dung, tự tại hiếm có của một nhà hiền triết*. Nói như GS. Hoàng Chí Bảo thì đó chính là: *“sự sáng suốt lý trí của một trí tuệ mẫn tiệp, sự uyển chuyển, mềm mại của phương pháp... sự kết hợp gần như tự nhiên, mà thật ra là cả một bản lĩnh văn hóa sáng tạo, giữa kinh nghiệm với trí khôn của cuộc sống mách bảo với sự hiểu biết lý luận được thấu thái từ sách vở cũng như từ thực tiễn tranh đấu”*⁶.

(2) *Có một lý tưởng sống cao đẹp, chân chính.*

Sinh trưởng trong một gia đình nhà nho có truyền thống yêu nước, ngay từ nhỏ, cậu bé Nguyễn Sinh Cung đã có may mắn tiếp xúc với nhiều chí sỹ yêu nước như Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Bội Châu... Lòng yêu nước thương nòi của Người, đã được nảy mầm từ đó. Người xót xa khi dân ta chịu đời nô lệ, áp bức và khát khao tìm đường cứu nước. Khát vọng, lý tưởng lớn lao đó chính là động lực, sức mạnh để năm 1911, Người đã một mình rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước với một hai bàn tay trắng và một ý chí quyết tâm không gì lay chuyển nổi. Sau này, nhà thơ Chế Lan Viên đã từng khái quát lại:

Đời bồi tàu lênh đênh theo sóng bể

*Người đi hỏi khắp bóng cờ Châu Mỹ,
Châu Phi*

Những đất tự do, những trời nô lệ

Tìm đường đi cho dân tộc theo đi.

(Người đi tìm hình của nước)

Không có một lý tưởng cao cả dẫn đường, không có tình yêu Tổ quốc, đồng bào lớn lao, mãnh liệt, Người không thể

vượt qua những đêm mùa đông rét mướt ở Luân Đôn, Pa ri; không thể với vóc dáng thư sinh mà làm được những công việc tay chân nặng nhọc. Với một niềm khát khao cháy bỏng, một sự cố gắng học hỏi, tìm tòi không ngừng, năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã tìm được con đường cứu nước trong *Luận cương của V.I.Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa*, giác ngộ chủ nghĩa Mác... Kể từ đó cho đến khi trở về với thế giới người hiền, tình yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, yêu nhân loại chưa bao giờ nguội lạnh trong trái tim Người. Điều mong mỏi lớn lao nhất trong suốt cuộc đời Người chỉ là: *“Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân tộc được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”*⁷. Không có chút nào dành cho cá nhân mình, tất cả chỉ cho dân tộc, nhân dân và vì nhân loại.

Người xưa có nói: *“Một ngày tù nghìn thu ở ngoài”*. Tâm lý này cũng đã nhiều lần được Người đề cập tới. Mười bốn tháng bị giam giữ trong lao tù, bị bùng bít, cách biệt với thế giới bên ngoài là mười bốn tháng lòng Người không khi nào yên ổn:

Năm tròn cố quốc tâm hơi vắng

Tin tức bên nhà bữa bữa trông.

Người buồn bức vì *“Chí cao mà chẳng đáng đồng chinh”* (*Buồn bức*), day dứt khi bị đặt ra bên lề của dòng chảy dân tộc; tiếc nuối ngày tháng nhàn rỗi, vô bổ trong tù đã làm cản trở bao dự định, kế hoạch của Người đối với phong trào cách mạng trong nước:

Trời xanh cố ý hãm anh hùng

Cùm xích tiêu mà tám tháng ròng

Tắc bóng nghìn vàng, đau xót thực,

Bao giờ thoát khỏi chốn lao lung.

(Tiếc ngày giờ)

Người đã có nhiều đêm không ngủ vì đói rét, đau đớn về thể xác, mỗi mệt về tinh thần nhưng chủ yếu là do Người lo lắng, băn khoăn cho vận mệnh dân tộc, đất nước đang trong tình thế nước sôi lửa bỏng, nhân dân đang trong cảnh lầm than, đói rét. Ka tép Yasin, nhà văn Angiêri, trong tác phẩm *Người đi dép cao su* đã nhắc đến hình ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh như “*một con người thường ít ngủ*”, “*con người đi lại trong những giấc mơ của ta*”. Không phút giây nào, hình ảnh Tổ quốc không ở trong tâm trí Người. Dù đó là sau một ngày mệt mỏi, bị áp giải đi từ nơi này đến nơi khác, tới “*lại khổ đau đêm không chỗ ngủ*” thì hình ảnh Tổ quốc vẫn luôn thường trực:

Đêm thu không đệm cũng không chăn

Gối quắp lưng còng ngủ chẳng an

Xóm chuối trắng soi càng thấy lạnh

Nhòm song Bắc Đẩu đã nằm ngang.

(Đêm lạnh)

Hay trong giấc ngủ chập chờn:

Một canh.. hai canh... lại ba canh

Trần trọc, băn khoăn, giấc chẳng thành;

Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt

Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.

(Không ngủ được)

Tình yêu nước thiết tha, cháy bỏng được ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin chỉ đường, tiếp thêm sức mạnh là nguồn gốc sâu xa để không một trở lực nào có thể ngăn cản người cộng sản Hồ Chí Minh trên con đường đi tìm độc lập, tự do cho dân

tộc, là cơ sở để có những cuộc “*vượt ngục tinh thần*” mà chúng tôi đã đề cập ở trên. Nói cách khác, *không có một lý tưởng cao đẹp, chân chính dẫn đường; không có niềm tin vững chắc vào con đường mình đã chọn*, con người không thể có đủ nghị lực để vượt qua mọi gian khó trên đường đời, biến lao tù thành trường đời để rèn luyện nghị lực, ý chí, lòng kiên trì, nhẫn nại người cộng sản. Đó chính là sự thắng lợi của chân lý, niềm tin, lý tưởng chân chính – cội nguồn của mọi sức mạnh.

(3) Tình yêu thương bao la đối với con người và cuộc sống.

Năm 1921, khi sáng lập tờ báo *Le Paria*, Nguyễn Ái Quốc đã tự nhận mình là người bạn đường thân thiết nhất của những người cùng khổ, bị áp bức trên khắp các châu lục. Năm 1925, cùng với các nhà cách mạng ở một số nước thuộc địa, Người lập ra *Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á đông*. Trên con đường đi tìm đường cứu nước, Người đã trải qua nhiều công việc tay chân nặng nhọc ở Pari, Luân Đôn để kiếm sống nên ở Người có một sự cảm thông sâu sắc với những người cần lao trên toàn thế giới. Nhà thơ Cu Ba Phêlich Pita Rôdrighet đã nói một cách xúc động về tấm lòng nhân ái của Người:

Bởi vì Người đã đối một cơn đói ngày xưa

*Vì Người đã chết hai triệu lần năm đói
bốn năm khủng khiếp*

Bởi vì Người đã mặc lên mọi tấm áo xác xơ

*Đã đi chân đất với mỗi đôi chân trần
của người dân đất nước*

*Bởi vì Người đã chứa chất nỗi tủi nhục
của mọi người cùng cực.*

Sinh thời, Người cũng đã nói: “*Lòng yêu thương của tôi đối với nhân dân và nhân loại không bao giờ thay đổi*”⁸. Nhật ký trong tù đã thể hiện khá sâu sắc, tập trung tinh thần nhân đạo của Hồ Chí Minh. Người cảm thông với nỗi vất vả, cực nhọc của người phu làm đường:

Phu đường vất vả lắm ai ơi

Dãi gió dầm mưa chẳng nghỉ ngơi.

(Phu làm đường)

Thấu hiểu nỗi nhớ mong quê nhà ngàn trùng xa cách của một người bạn tù chỉ qua tiếng sáo:

Muôn dặm quan hà, khôn xiết nỗi;

Lên lầu, ai đó ngóng trông nhau.

(Người bạn tù thổi sáo)

Cảm cảnh trước cái chết đột ngột của người bạn tù:

Đêm qua còn ở bên tôi

Sáng nay, anh đã về nơi suối vàng.

(Một người tù cờ bạc vừa chết)

Đau đớn, xót xa khi nghe tiếng khóc của một cháu bé nửa tuổi, phải theo mẹ, đến ở nhà lao:

Oa! Oa! Oa

Cha trốn không đi lính nước nhà

Nên nỗi thân em vừa nửa tuổi

Phải theo mẹ đến ở nhà pha.

(Cháu bé trong nhà lao Tân Dương)

Có thể nói, tình yêu thương của Người đối với những người đồng cảnh ngộ, nhân loại cần lao là không hề có biên giới. Quên nỗi đau của riêng mình để dành tình thương cho tất cả. Tình yêu thương bao la, nhân hậu, độ lượng ấy chỉ có thể có ở một

nhà hiền triết, một vị Thánh, có bóng dáng lòng nhân ái của Chúa Giê su, tư tưởng “dân vi quý” của Nho gia. Người đã từng dạy những bài học đầu đời cho những người cộng sản: “*Chỉ có người cách mạng chân chính mới thu hái được những điều hiểu biết quý báu của các đời trước để lại*”⁹. Trên tinh thần ấy, tiếp thu có sáng tạo, kết hợp với những trải nghiệm của hơn 30 năm bôn ba khắp năm châu bốn biển, mắt thấy tai nghe bao điều hay dở trên khắp hoàn cầu, chiêm nghiệm lại lịch sử dân tộc Người hiểu rõ: Bất cứ triều đại, dân tộc nào nếu không được lòng dân, không coi dân chúng cần lao là đích đến đầu tiên và cuối cùng của mọi cuộc cách mạng, canh tân thì sớm muộn dân tộc, triều đại đó sẽ khó tránh khỏi con đường thất bại. Do đó, tình yêu thương bao la của Hồ Chí Minh đối với con người nói chung và những người cần lao nói riêng không chỉ là một thứ tình thương cảm tính, tự phát mà trên hết nó xuất phát từ một sự hiểu biết sâu rộng của Người về vai trò của quần chúng cần lao đối với vận mệnh của dân tộc, thời đại. Cái vượt bậc trong chủ nghĩa nhân đạo của Hồ Chí Minh so với tiền nhân chính là tinh thần quốc tế vô sản. Không chỉ yêu thương dân tộc mình, đồng bào mình mà còn yêu thương, cảm thông với nhân loại cần lao trên toàn thế giới. Bởi Người hiểu sợi dây liên quan giữa cách mạng Việt Nam và các cuộc cách mạng trên toàn thế giới. Chính vì thế, khi đánh giá về tầm cao tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, GS. Trần Văn Giàu đã nói: “*Tầm cỡ của một nhà hiền triết chưa chắc ở chỗ giải quyết mối tương quan giữa tồn tại và tư tưởng, ở chỗ xác định thế giới là thực hay là ảo ảnh, khả tri hay bất khả tri, ở chỗ giáo điều quen thuộc hay sáng tạo,*

mới lạ, mà chung quy lại là ở mức quan tâm đến con người, con người thật đang sống trong quả đất này và chắc chắn còn sống lâu dài đến vô tận thời gian, lấy đó làm trung tâm của mọi sự suy tư và chủ đích của mọi hành động. Cụ Hồ thuộc loại hiền triết đó, vì đó mà Cụ lớn”¹⁰.

Trên con đường chuyển lao đầy gian nan, vất vả, Người đã chứng kiến nhiều cảnh sinh hoạt của nhân dân và ghi lại những cảm xúc chân thực của mình:

Cô em xóm núi xay ngô tối

Xay hết lò than đã rực hồng.

(Chiều tối)

Một bức tranh sinh hoạt bình dị nơi miền sơn cước, dưới con mắt nhân văn của Người đã làm bật lên vẻ đẹp dung dị mà ấm áp của cuộc sống đời thường. Cũng có những buổi chiều “*Gió sắc tựa gươm mài đá núi/Rét như dùi nhọn chích cành cây*”, mà Người vẫn hướng đến cuộc sống bên ngoài để phác ra một bức tranh quê gọi bao nỗi niềm của khách tha hương:

Chùa xa chuông giục người nhanh bước,

Trẻ dẫn trâu về tiếng sáo bay.

(Hoàng hôn)

Tâm hồn người cũng như muốn cất tiếng ca vui cùng những người nông khi được mùa:

Khắp chốn nông dân cười hớn hở,

Đồng quê vang rộn tiếng ca vui.

(Cảnh đồng nội)

Thậm chí, trong hoàn cảnh “*Lũng lảng chân treo tựa giáo hình*” trên một chiếc thuyền. Nhưng khi nhìn thấy cảnh “*Làng xóm ven sông đông đúc thế*” là lòng người

cảm thấy thật nhẹ nhõm, quên cả khổ đau của bản thân mình “*Thuyền câu rẽ sóng nhẹ thênh thênh*” (Giữa đường đáp thuyền đi Ung Ninh). Không có tình yêu đời với đời sống, con người không thể quên nỗi đau bản thân để hướng đến cái gì khác ngoài bản thân mình. Hạnh phúc của những người lao động cũng chính là hạnh phúc, mục tiêu hướng đến của người cộng sản. Chính tình yêu nồng nhiệt đó là động lực thúc người phấn đấu, hy sinh, học hỏi để tìm hướng đi mang lại hạnh phúc ấm no cho nhân loại cần lao. Cũng là lý do để người coi mọi hy sinh, mất mát của bản thân đều rất nhẹ nhàng, thanh thản.

(4) Một thế giới tâm hồn phong phú, tinh tế; một tình yêu nồng nhiệt với thiên nhiên.

Người có minh triết là người luôn biết cân bằng hài hòa cuộc sống của mình bằng những hành vi hướng thiện; biết tìm niềm vui trong cuộc sống quanh mình, không sa đà vào những thứ vụn vặt, tầm thường làm hao tâm tổn trí. Đặc biệt, trong hoàn cảnh lao tù, giày vò về tinh thần, đớn đau về thể xác nếu con người không mở rộng tầm nhìn xa hơn bốn bức tường nhà giam thì cô đơn, bế tắc, ngột ngạt, bi lụy là điều khó tránh khỏi. Với một nhận thức sâu sắc về hiện thực, con người, thời cuộc như vậy, Người đã hướng đến thiên nhiên như một tri kỷ để bạn bầu, trò chuyện, tâm tình. Dù ở trong hoàn cảnh “*bị trói chân tay*” nhưng trước khung cảnh “*Chim ca rộn núi, hương bay ngát rừng*” Người không thể không hòa nhập vào cái sống động, tươi vui của núi rừng, quên mình là một “tù nhân”, để trở thành một “hành nhân” (người đi đạo) đang say sưa, nhàn nhã ngắm cảnh đất trời:

Vui say, ai cấm ta dừng,
Đường xa, âu cũng bớt chùng quanh hiu.

(Trên đường)

Đêm Trung thu, nơi đất khách quê người, nghĩ đến cảnh “*Sum họp nhà ai ăn tết đó*”, Người không khỏi chạnh lòng cảnh đón tết trong tù của bản thân. Nhưng với bản lĩnh của một người cộng sản dạn dày kinh nghiệm trường đời, Người đã nhanh chóng thoát ra khỏi tình trạng cảm cảnh, u sầu để lại “*Lòng theo vời vợi mảnh trăng thu*” (Trung thu).

Với các thi nhân xưa, rượu và hoa là hai thứ không thể thiếu để tâm hồn nghệ sỹ có thể thăng hoa để tức cảnh sinh tình. Trong lao tù, vốn không phải là nơi có thể tức cảnh làm thơ. Bởi lẽ, hiện hữu xung quanh là bạo tàn, tăm tối, rượu, hoa là đồ xa xỉ, càng khó để nâng thơ có thể cất lên tiếng nói. Nhưng chỉ vì “*Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ*” mà “*tù nhân*” phút chốc đã trở thành “*thi nhân*”. Trong giây phút đó, mối giao hòa, tri kỷ giữa thiên nhiên (trăng) và con người đã phá tung cánh cửa phòng giam để đến gần nhau hơn, say sưa, gần gũi như từ hàng ngàn năm nay vẫn vậy:

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

(Ngắm trăng)

Nâng niu, trân trọng thiên nhiên, coi thiên nhiên là bầu bạn, tri kỷ, Người xót xa cho cái đẹp bị tàn phai, rơi rụng dù vẫn biết đời hoa sớm nở tối tàn:

Hoa hồng nở hoa hồng lại rụng

Hoa tàn hoa nở cũng vô tình.

(Cảnh chiều hôm)

Đối với cổ nhân, thiên nhiên luôn là một đề tài quen thuộc để thi nhân “tức cảnh, sinh tình” mà “thi dĩ ngôn chí”. Tìm về với thiên nhiên, hòa mình vào thiên nhiên là con người tìm về với những gì tự nhiên nhất, thuần khiết nhất. Thiên nhiên chính là nơi con người có thể tìm được sự yên ổn, thanh thản trong tâm hồn sau những sóng gió, vấp ngã trong chốn hồng trần. Lịch sử văn học dân tộc đã ghi danh những bài thơ viết về thiên nhiên nổi tiếng như: *Côn Sơn ca* (Nguyễn Trãi), *Qua Đèo Ngang* (Bà Huyện Thanh Quan), *Chùm thơ thu* (Nguyễn Khuyến)... Tiếp nối truyền thống, Hồ Chí Minh đang góp phần nối dài danh mục những thi phẩm về đề tài thiên nhiên trong thơ ca dân tộc. Tuy nhiên, do thời đại, nhân sinh quan khác nên cách nhìn nhận về thiên nhiên trong thơ xưa và *Nhật ký trong tù* có nhiều thay đổi. Do phần lớn được sáng tác bởi các nhà nho thất thế, mang nỗi “ưu thời mẫn thế” hoặc rút lui khỏi chốn quan trường về sống đời ẩn dật, vui với cỏ cây hoa lá nên thiên nhiên quen thuộc trong thơ xưa thường là những bức tranh vắng vẻ, cô liêu, lạnh lẽo. Trên cái nền đó, con người xuất hiện lẻ loi, nhỏ bé, tội nghiệp, thụ động. Chẳng hạn:

Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa

Lom khom dưới núi tiều vài chu

Lác đác bên sông chợ mấy nhà.

(*Qua Đèo Ngang* – Bà Huyện Thanh Quan)

Bài thơ trên được ra đời trên con đường thiên lý bà Nguyễn Thị Hình (tức Bà Huyện Thanh Quan) từ Thăng Long vào Huế nhận chức Cung trung giáo tập. Mang nỗi lòng khách ly hương nên bà nhìn cảnh

Đèo Ngang trong buổi chiều tà thật hoang vắng, cô liêu; con người lẻ loi, bé nhỏ trước cái mệnh mông, rợn ngợp của đất trời.

Tiếp thu tinh hoa, truyền thống của thơ xưa, nhưng Người đã thổi hồn thời đại vào trong từng nhánh cây, ngọn lá để thiên nhiên trở nên sống động, vui tươi, ấm áp, gần gũi với con người. Con người phải là trung tâm của bức tranh đó chứ không chỉ là đường viền trang trí nên trong *Nhật ký trong tù*, thể đứng của con người phải là:

Núi cao lên đến tận cùng

Thu vào tâm mắt muôn trùng nước non.

(Đi đường)

Mặt khác, trong thơ xưa, các bậc tiền nhân thường mượn thiên nhiên như một cái có để trút bỏ ưu phiền với thời cuộc, để bày tỏ khí tiết thanh sạch trong thế đối lập với cuộc đời lắm bon chen, ganh ghét như: “*Phượng những tiếc cao, điều hỡi lượn/ Hoa thường hay héo cỏ thường tươi*” (Nguyễn Trãi).

Với *Nhật ký trong tù*, những bài thơ viết về thiên nhiên, mang hơi hướng của thơ Đường, thơ Tống, trước hết thể hiện tình yêu sâu sắc của Người đối với cỏ cây hoa lá, mặt khác cũng cho thấy tâm hồn phong phú, tinh tế của Người trong thưởng ngoạn thiên nhiên, không kém gì các bậc tiền nhân trong sử sách. Điều đó cũng thể hiện vốn văn hóa lịch thiệp, uyên bác ở Người. *Song cao trên hết, với tư cách là một người cộng sản, những bài thơ viết về thiên nhiên của Người chính là một biểu hiện mạnh mẽ, kiên cường nhất của trạng thái “Thân thể ở trong lao/ Tinh thần ở ngoài lao” của người tù Hồ Chí Minh.* Bởi lẽ, có thể thi vị hóa hiện thực, cười ngạo nghịch, khinh bỉ

vào hiện thực đã đòi hỏi người tù phải có một bản lĩnh, ý chí kiên cường; thì quen mình là “*tù nhân*” để sống như một “*hiền nhân, triết nhân, thi nhân*” càng đòi hỏi người tù phải có một nghị lực phi thường hơn nữa. Đó chính là chất “thép” ở người cộng sản được toát ra từ lời nói, hành động. Chất “thép” đó được tôi luyện cứng rắn thêm bởi chính nhà tù tàn bạo, thói nát, từ niềm tin mãnh liệt vào tương lai tươi sáng ở Người, được dẫn đường bởi lý luận tiên tiến, cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin. Đó là đỉnh cao chữ “*DŨNG*” của người cộng sản. Nhiều nhà phê bình nghiên cứu đã gọi đây là “*cuộc vượt ngục tinh thần lần thứ hai*” của Hồ Chí Minh trong chốn lao tù, khiến cả thế giới phải khâm phục, kính nể, ngợi ca. Bất luận hoàn cảnh thế nào, Người vẫn luôn giữ cho mình một phong thái ung dung, tự tại của một nhà hiền triết. Ẩn sau phong thái đó là một bản lĩnh kiên cường của một nhà hoạt động chính trị chuyên nghiệp, một người cộng sản đã kinh qua nhiều gian khó.

4. Vận dụng thời cơ sáng tạo, linh hoạt.

Là một nhà hoạt động chính trị chuyên nghiệp, mỗi biến chuyển của cuộc sống, con người đều khiến người phải suy nghĩ, đúc rút kinh nghiệm, không cho phép mình được dễ dãi, đơn giản trong khi nhìn nhận, đánh giá thời cuộc. Đó chính là những phẩm chất cần thiết của những người cộng sản chân chính, tư chất của một chính khách lịch lãm, từng trải.

Trong bài thơ “*Học đánh cờ*”, nhân chuyện đánh cờ, Người đã đề cập tới các yếu tố cơ bản của nghệ thuật cầm quân, những phẩm chất cần có của những người đứng đầu, điều binh khiển tướng trên cơ sở nắm vững quy luật biện chứng của hiện

thực khách quan, đặt cách mạng trong nước với tương quan cách mạng trên thế giới và trong khu vực. Cuộc đấu tranh với kẻ thù không khác gì một cuộc đấu trí trên bàn cờ mà mỗi đường đi nước bước đều phải được cân nhắc, tính toán kỹ lưỡng, thận trọng, có tầm nhìn xa trông rộng:

Lạc nước hai xe đành bỏ phí

Gặp thời một tốt cũng thành công.

Người cầm quân giỏi không thể hành động thiếu suy xét, cảm tính, bởi mỗi một hành động sai lầm phải trả giá bằng máu và nước mắt nên “*Phải nhìn cho rộng suy cho kỹ*”, khi thời cơ đến:

Tấn công thoái thủ nên thần tốc,

Chân lẹ, tài cao ắt thắng người.

Cần nắm rõ đối phương, thời cuộc, biết chớp thời cơ hành động để sao cho sự hao tổn binh lực ít nhất, hạn chế điểm yếu của ta, kiểm chế sức mạnh của kẻ thù.

Thắng lợi của Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là một minh chứng thuyết phục về sự sáng tạo, linh hoạt, biết chớp thời cơ của Người. Chỉ trong vòng 15 ngày, một Đảng mới 15 tuổi, khoảng 5000 đảng viên đã lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, xây dựng nhà nước dân chủ đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á. Đây không phải là một sự “ăn may” mà chính là kết quả của một nghệ thuật dùng binh táo bạo, sáng tạo và linh hoạt, nhìn xa trông rộng của lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Qua *Nhật ký trong tù*, dù không có ý định lập ngôn trước tác, nhưng Người thực sự đã để lại một minh triết về người cộng sản chân chính: Người cộng sản chân chính không chỉ biết hành động cảm tính mà phải có trí tuệ để suy xét thời cuộc. Phải biết vận dụng lý luận vào thực tiễn một cách

sáng tạo, khéo léo, đúc rút cho mình những kinh nghiệm ứng xử khôn ngoan, minh triết. Để cho mọi hành động luôn đi đúng quỹ đạo, người cộng sản phải có một lý tưởng chân chính dẫn đường; có tình yêu sâu sắc, độ lượng đối với cuộc sống, con người. Một người cộng sản cách mạng nhất cũng phải là một người cộng sản nhân văn nhất. Tất cả chung đúc để tạo nên minh triết Hồ Chí Minh: Một lãnh tụ, một vĩ nhân, một chính khách, một danh nhân văn hóa kiệt xuất của nhân loại.

Chú thích

1. Vũ Khiêu, 2012. *Hồ Chí Minh, ngôi sao sáng trên bầu trời Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.227.
2. *Thơ văn Phan Bội Châu*, 1985. Nxb. Văn học, Hà Nội.
3. Võ Nguyên Giáp, 1990. *Chủ tịch Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa lớn*, Báo *Quân đội nhân dân* số 10361 ra ngày 30/3.
4. Hồ Chí Minh, 2002. *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.128.
5. Báo *Nhân dân* ngày 15/5/1960.
6. Hoàng Chí Bảo, 2011. *Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, tr.452.
7. Võ Nguyên Giáp, 1990. *Chủ tịch Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa lớn*, Báo *Quân đội nhân dân* ngày 30/3.
8. Võ Nguyên Giáp, 1997. *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.231, 232.
9. Hồ Chí Minh, 2009. *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Trần Văn Giàu, 1995. *Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa lớn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.287.

